

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị C, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Thôn H, xã Q1, huyện Q, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 11 năm 2019 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Vũ Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Lê Ngọc H tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/7/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 73). Thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhưng trầm trọng hơn từ ngày 19/11/2019, do bất đồng quan điểm

sống, anh H có biểu hiện quan hệ ngoại tình, từ đó vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau, anh H đánh chửi chị nhiều lần. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Lê Thanh B, sinh ngày 04/01/2019 đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 15 tháng 01 năm 2020 trình bày thống nhất với chị C về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc và nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị C, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 01 con như chị C đã trình bày. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, giữa anh và chị C sẽ thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của bị đơn (anh H) tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị C; cho chị Vũ Thị C được ly hôn anh Lê Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh B, sinh ngày 04/01/2019 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị C không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh H (bị đơn) cư trú tại thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K (theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị C xin ly hôn, anh H xin đoàn tụ. Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng và chính quyền xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái B cung cấp thì hôn nhân của chị Vũ Thị C và anh Lê Ngọc H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên phát sinh, trầm trọng hơn từ tháng 11 năm 2019 do bất đồng quan điểm sống, chị C nghi ngờ anh H không chung thủy, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Vì vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, nên xử cho chị C được ly hôn anh H là

phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con là Lê Thanh B, sinh ngày 04/01/2019 đang do chị C nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều thống nhất giao cháu B cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã Q, huyện Q1, tỉnh Thái Bình thì chị C làm nghề công nhân, thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định; chị đang nuôi dưỡng cháu B rất tốt, bên cạnh đó còn có sự giúp đỡ của các thành viên trong gia đình, đảm bảo cuộc sống cho cháu. Như vậy cần giao cháu B cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị C không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị C được ly hôn anh Lê Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh B, sinh ngày 04/01/2019 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008800 ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị C đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu